

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC
FAC AUDITING CO., LTD

Website : www.kiemtoan.net.vn

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
4.1 Bảng cân đối kế toán	6 - 9
4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
4.4 Thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 27

406
C
M
C
E
7A

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Số 01A Thùy Vân, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Vũng Tàu trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Vũng Tàu ("Công ty") được thành lập và hoạt động theo chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp như sau:

<u>Chứng nhận đăng ký kinh doanh</u>	<u>Số giấy chứng nhận</u>	<u>Ngày cấp</u>	<u>Vốn điều lệ (VND)</u>
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu	4903000487	31/12/2007	52.400.000.000
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 1	3500833679	01/04/2010	52.400.000.000
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 2	3500833679	25/04/2011	52.400.000.000
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 3	3500833679	03/04/2012	82.400.000.000

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>Giá trị vốn góp (VND)</u>	<u>Tỷ lệ(%)</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc Tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	7.073.557	70.735.570.000	85,84
Các cổ đông khác	1.166.443	11.664.430.000	14,16
Cộng	8.240.000	82.400.000.000	100,00

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 01A, Thùy Vân, phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại : 064 3585326

Fax : 064 3585327

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ vui chơi giải trí, hướng dẫn tham quan, phiên dịch, cung ứng phương tiện đi lại cho khách du lịch; Kinh doanh thuốc lá điều sản xuất trong nước, vận tải hành khách đường bộ, dịch vụ xông hơi và xoa bóp (massage), phòng hát Karaoke, dịch vụ bãi biển và dịch vụ phụ trợ xung quanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ điều lýot ván, giữ xe, bán hải sản tươi sống, hải sản đã qua chế biến, nước giải khát, mua bán rượu, bia, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng hóa phục vụ du lịch, khách sạn; Dịch vụ về xuất nhập cảnh, mua vé máy bay.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 27).

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Nghị quyết số 043/VIR của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần du lịch Quốc tế Vũng Tàu ngày 03/02/2015 đã quyết nghị về kế hoạch phân phối lợi nhuận trình Đại hội đồng cổ đông năm 2015: Chia cổ tức 8%, trích quỹ khen thưởng - phúc lợi; hỗ trợ giao tiếp là 500 triệu đồng, phần còn lại trích Quỹ dự phòng rủi ro tài chính.

Ngoài sự kiện nêu trên, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Hội đồng quản trị			
Ông Nguyễn Tôn Hoàng	Chủ tịch	Tháng 6 năm 2013	-
Ông Bùi Văn Vượng	Thành viên	Tháng 6 năm 2013	-
Ông Nguyễn Minh Khang	Thành viên	Tháng 6 năm 2013	-
Ban Kiểm soát			
Bà Đỗ Tú Oanh	Trưởng ban	Tháng 6 năm 2013	-
Ông Nguyễn Mai Hoàng	Thành viên	Tháng 6 năm 2013	-
Bà Dương Ngọc Hạnh	Thành viên	Tháng 6 năm 2013	-
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng			
Ông Nguyễn Tôn Nhơn	Giám đốc	01/07/2013	-
Bà Ngô Thị Bích Hương	Phó Giám đốc	01/07/2013	-
Bà Trần Thị Tuyết Mai	Kế toán trưởng	01/01/2014	-

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC (FAC) đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, FAC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc



Nguyễn Tôn Hoàng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 25 tháng 3 năm 2015



www.kiemtoan.net.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC

Trụ sở chính : 39/3L Phạm Văn Chiêu, P.8, Quận Gò Vấp, Tp. HCM.
Văn Phòng Giao Dịch : 2/23 Quách Văn Tuấn, K300 Cộng Hòa, P.12, Q. Tân Bình.
Chi nhánh Nha Trang : 07 Vân Đồn - Phường Phước Hòa - Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa .
Chi nhánh Vũng Tàu : 169 Trương Công Định - Tp. Vũng Tàu - Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

FAC AUDITING CO., LTD

Tel : (08) 3 948 3100 Fax : (08) 3 948 3102
Tel : (0-58) 3 872 355 Fax : (0-58) 3 872 344
Tel : (0-64) 2 210 287 Fax : (0-64) 6 253 070

Số : 26 /2015/BCTC-FACT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Vũng Tàu

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Vũng Tàu ("Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2015, từ trang 6 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Vũng Tàu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC



Hoàng Lam - Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0701-2013-099-1
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2015

Lê Minh Lưu - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0702-2013-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		25.161.288.222	15.102.490.553
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	IV. 1	3.043.447.577	6.314.347.528
1. Tiền	111		2.043.447.577	3.314.347.528
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	3.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	IV. 2	10.000.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.733.850.331	8.092.556.418
1. Phải thu khách hàng	131	IV. 3	985.678.948	566.766.555
2. Trả trước cho người bán	132	IV. 4	121.000.000	352.767.670
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	IV. 5	10.627.171.383	10.161.022.193
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	(2.988.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		250.733.050	259.398.952
1. Hàng tồn kho	141	IV. 6	250.733.050	259.398.952
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		133.257.264	436.187.655
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	IV. 7	120.916.860	350.684.741
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		3.580.404	81.102.914
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		8.760.000	4.400.000



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Số 01A Thùy Vân, Phường 8,
Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		77.268.627.796	81.568.898.138
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		72.408.826.599	76.348.429.362
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV. 8	72.341.480.821	76.272.763.584
<i>Nguyên giá</i>	222		94.280.018.940	93.794.137.675
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(21.938.538.119)	(17.521.374.091)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	IV. 9	67.345.778	75.665.778
<i>Nguyên giá</i>	228		83.200.000	83.200.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(15.854.222)	(7.534.222)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.859.801.197	5.220.468.776
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV. 10	4.859.801.197	5.220.468.776
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		102.429.916.018	96.671.388.691

509
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 T M CH F
 07/

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀUSố 01A Thùy Vân, Phường 8,
Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014		01/01/2014	
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		18.898.157.774		7.361.096.269	
I. Nợ ngắn hạn	310		18.538.157.774		7.001.096.269	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-		-	
2. Phải trả người bán	312	IV. 11	1.495.433.466		2.639.521.460	
3. Người mua trả tiền trước	313	IV. 12	342.364.178		267.202.978	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	IV. 13	884.048.640		1.462.377.327	
5. Phải trả người lao động	315		2.084.976.643		1.954.946.772	
6. Chi phí phải trả	316		-		-	
7. Phải trả nội bộ	317		-		-	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-		-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	IV. 14	13.418.420.293		237.742.462	
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-		-	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	IV. 15	312.914.554		439.305.270	
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-		-	
II. Nợ dài hạn	330		360.000.000		360.000.000	
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-		-	
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-		-	
3. Phải trả dài hạn khác	333	IV. 16	360.000.000		360.000.000	
4. Vay và nợ dài hạn	334		-		-	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-		-	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-		-	
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-		-	
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-		-	
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-		-	
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		83.531.758.244		89.310.292.422	
I. Vốn chủ sở hữu	410		83.531.758.244		89.310.292.422	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	IV. 17	82.400.000.000		82.400.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-		-	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-		-	
4. Cổ phiếu quỹ	414		-		-	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-		-	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-		-	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-		-	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	IV. 17	1.131.758.244		236.879.030	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-		-	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	IV. 17	-		6.673.413.392	
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-		-	
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-		-	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-		-	
1. Nguồn kinh phí	432		-		-	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-		-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		102.429.916.018		96.671.388.691	

147
40
21
10
40
1
1

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		5.222.821.834	3.230.821.834
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 25 tháng 3 năm 2015



Trần Thị Tuyết Mai
Kế toán trưởng
(Người lập)

Ngô Thị Bích Hương
Phó Giám đốc


Nguyễn Tôn Hoàng
Chủ tịch Hội đồng quản trị


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014


Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 V. 1	55.622.945.480	51.896.401.632
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	55.622.945.480	51.896.401.632
4. Giá vốn hàng bán	11 V. 2	36.493.472.968	34.080.431.114
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	19.129.472.512	17.815.970.518
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 V. 3	353.724.857	148.443.359
7. Chi phí tài chính	22	-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23	-	-
8. Chi phí bán hàng	24	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25 V. 4	6.752.417.835	5.898.709.470
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	12.730.779.534	12.065.704.407
11. Thu nhập khác	31	5.309.287	28.573.355
12. Chi phí khác	32	117.500	4.094.929
13. Lợi nhuận khác	40	5.191.787	24.478.426
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	12.735.971.321	12.090.182.833
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51 V. 5	2.838.505.499	3.066.769.441
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	9.897.465.822	9.023.413.392
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 V. 6	1.201	1.098

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 25 tháng 3 năm 2015




Trần Thị Tuyết Mai
Kế toán trưởng
(Người lập)


Ngô Thị Bích Hương
Phó Giám đốc


Nguyễn Tôn Hoàng
Chủ tịch Hội đồng quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.735.971.321	12.090.182.833
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9,10	4.425.484.028	4.161.627.328
- Các khoản dự phòng	03		-	2.988.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(353.724.857)	499.353.222
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		16.807.730.492	19.739.163.383
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.511.448.160)	(1.454.914.227)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8.665.902	17.224.213
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		795.412.615	(403.959.513)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		590.435.460	(505.211.014)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.661.850.724)	(2.584.812.118)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(626.390.716)	(466.910.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.402.554.869	14.340.580.724
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.002.460.789)	(3.471.510.964)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	25.793.973
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	IV.2	(10.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		329.005.969	148.443.359
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.673.454.820)	(3.297.273.632)

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀUSố 01A Thùyn Vn, Phường 8,
Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Mẫu B 03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2014	2013
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(10.643.665.257)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(10.643.665.257)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.270.899.951)	399.641.835
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	6.314.347.528	5.914.705.693
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	3.043.447.577	6.314.347.528

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 25 tháng 3 năm 2015



mai

Trần Thị Tuyết Mai
Kế toán trưởng
(Người lập)

luong

Ngô Thị Bích Hương
Phó Giám đốc

Hoàng

Nguyễn Tôn Hoàng
Chủ tịch Hội đồng quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Giấy phép hoạt động

Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Vũng Tàu ("Công ty") được thành lập và hoạt động theo chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp như sau:

<u>Chứng nhận đăng ký kinh doanh</u>	<u>Số giấy chứng nhận</u>	<u>Ngày cấp</u>	<u>Vốn điều lệ (VND)</u>
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu	4903000487	31/12/2007	52.400.000.000
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 1	3500833679	01/04/2010	52.400.000.000
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 2	3500833679	25/04/2011	52.400.000.000
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 3	3500833679	03/04/2012	82.400.000.000

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>Giá trị vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ(%)</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	7.073.557	70.735.570.000	85,84
Các cổ đông khác	1.166.443	11.664.430.000	14,16
Cộng	8.240.000	82.400.000.000	100,00

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 01A đường Thùy Vân, Phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ vui chơi giải trí, hướng dẫn tham quan, phiên dịch, cung ứng phương tiện đi lại cho khách du lịch; Kinh doanh thuốc lá điều sản xuất trong nước, vận tải hành khách đường bộ, dịch vụ xông hơi và xoa bóp (massage), phòng hát Karaoke, dịch vụ bãi biển và dịch vụ phụ trợ xung quanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ điều lướt ván, giữ xe, bán hải sản tươi sống, hải sản đã qua chế biến, nước giải khát, mua bán rượu, bia, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng hóa phục vụ du lịch, khách sạn; Dịch vụ về xuất nhập cảnh, mua vé máy bay.

Số lượng cán bộ và nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là: 142 người

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty mẹ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500101932 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại số 662 Trương Công Định, phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tôn Hoàng	Chủ tịch	Bổ nhiệm tháng 06 năm 2013
Ông Nguyễn Minh Khang	Thành viên	Bổ nhiệm tháng 06 năm 2013
Ông Bùi Văn Vượng	Thành viên	Bổ nhiệm tháng 06 năm 2013

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Doanh nghiệp được lập và trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán có liên quan trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ

3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tại sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

6. Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	05-45 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Máy móc và thiết bị	07-12 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05-10 năm
- Phần mềm quản lý khách sạn	10 năm

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư các dự án, xây dựng các hạng mục công trình mà chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính, như chi phí giao thầu xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

10. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11. Vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty hoặc theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

14. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính giữ sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các loại tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các loại tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các loại nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm nợ phải trả người bán, nợ phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VI.1.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Tiền mặt tại quỹ	324.153.427	249.192.966
Tiền gửi ngân hàng	1.719.294.150	3.065.154.562
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng)	1.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	<u><u>3.043.447.577</u></u>	<u><u>6.314.347.528</u></u>

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	10.000.000.000	-
Cộng	<u><u>10.000.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀUSố 01A Thùỵ Vậ, Phường 8,
Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

3. Phải thu của khách hàng

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Phải thu các khách hàng từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của Công ty	985.678.948	566.766.555
Cộng	<u>985.678.948</u>	<u>566.766.555</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Trả trước cho các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh	121.000.000	352.767.670
Cộng	<u>121.000.000</u>	<u>352.767.670</u>

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	24.718.888	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	22.452.495	-
Công ty Cổ phần Trung Nam	4.980.000.000	9.960.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	-	201.022.193
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (tiền cho mượn)	5.600.000.000	-
Cộng	<u>10.627.171.383</u>	<u>10.161.022.193</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	78.029.990	77.524.413
Hàng hóa tồn kho	172.703.060	181.874.539
Cộng	<u>250.733.050</u>	<u>259.398.952</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
Số dư tại 01/01	350.684.741	-
Phát sinh trong năm	181.158.120	517.875.546
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(410.926.001)	(167.190.805)
Số dư tại 31/12	<u>120.916.860</u>	<u>350.684.741</u>

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Tại 01/01/2014	80.666.711.853	12.367.856.108	569.178.000	190.391.714	93.794.137.675
Mua sắm mới	-	146.609.000	-	148.000.000	294.609.000
Công trình mở rộng Vũng Tàu Intourco Resort	191.272.265	-	-	-	191.272.265
Tại 31/12/2014	80.857.984.118	12.514.465.108	569.178.000	338.391.714	94.280.018.940
Trong đó đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	923.752.900	1.177.877.442	569.178.000	52.811.714	2.723.620.056
Hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2014	11.934.655.662	4.935.458.040	524.908.600	126.351.789	17.521.374.091
Trích khấu hao	2.771.534.718	1.560.692.406	44.269.400	40.667.504	4.417.164.028
Tại 31/12/2014	14.706.190.380	6.496.150.446	569.178.000	167.019.293	21.938.538.119
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2014	68.732.056.191	7.432.398.068	44.269.400	64.039.925	76.272.763.584
Tại 31/12/2014	66.151.793.738	6.018.314.662	-	171.372.421	72.341.480.821

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm phục vụ cho công tác quản lý khách sạn

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tại ngày 01/01/2014	83.200.000	7.534.222	75.665.778
Tăng trong năm	-	8.320.000	(8.320.000)
Tại ngày 31/12/2014	83.200.000	15.854.222	67.345.778

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2014	Năm 2013
Số dư tại ngày 01/01	5.220.468.776	2.615.271.235
Phát sinh trong năm	2.724.604.438	5.955.362.587
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(3.085.272.017)	(3.350.165.046)
Số dư tại 31/12	4.859.801.197	5.220.468.776

11. Phải trả cho người bán

	31/12/2014	01/01/2014
Phải trả các nhà thầu, nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định của Công ty	19.766.350	1.536.345.874
Phải trả các nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty	1.475.667.116	1.103.175.586
Cộng	1.495.433.466	2.639.521.460

12. Người mua trả tiền trước

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Số tiền khách hàng trả trước về mua hàng hóa và dịch vụ của Công ty	342.364.178	267.202.978
Cộng	<u>342.364.178</u>	<u>267.202.978</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	274.874.424	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	609.174.216	1.432.519.441
Thuế thu nhập cá nhân	-	29.857.886
Cộng	<u>884.048.640</u>	<u>1.462.377.327</u>

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan có chức năng kiểm tra, thanh tra Thuế, do đó số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra Thuế.

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Bảo hiểm xã hội	-	11.720.264
Nhận ký quỹ ngắn hạn	-	25.000.000
Phải trả tiền dịch vụ bằng thẻ tín dụng (booking.com)	9.433.740	-
Cổ tức phải trả cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	11.317.691.200	-
Cổ tức phải trả cho các cổ đông khác	2.091.295.353	201.022.198
Cộng	<u>13.418.420.293</u>	<u>237.742.462</u>

15. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Số dư tại 01/01	439.305.270	46.215.270
Trích từ lợi nhuận sau thuế	500.000.000	850.000.000
Tặng khác	-	10.000.000
Chi khen thưởng, phúc lợi	(626.390.716)	(466.910.000)
Số dư tại 31/12	<u>312.914.554</u>	<u>439.305.270</u>

16. Phải trả dài hạn khác

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Tiền nhận ký quỹ, ký cược của đối tác kinh doanh	360.000.000	360.000.000
Cộng	<u>360.000.000</u>	<u>360.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Số 01A Thủy Vân, Phường 8,

Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

17. Vốn chủ sở hữu**Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Tại 01/01/2013	82.400.000.000	-	8.559.700.864	90.959.700.864
Lợi nhuận sau thuế năm 2013	-	-	9.023.413.392	9.023.413.392
Trích lập các quỹ	-	3.467.700.864	(4.317.700.864)	(850.000.000)
Sử dụng quỹ	-	(3.230.821.834)	-	(3.230.821.834)
Cổ tức năm 2012	-	-	(6.592.000.000)	(6.592.000.000)
Tại 31/12/2013	82.400.000.000	236.879.030	6.673.413.392	89.310.292.422
Tại 01/01/2014	82.400.000.000	236.879.030	6.673.413.392	89.310.292.422
Lợi nhuận sau thuế năm 2014	-	-	9.897.465.822	9.897.465.822
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	2.886.879.214	(3.386.879.214)	(500.000.000)
Sử dụng quỹ	-	(1.992.000.000)	-	(1.992.000.000)
Cổ tức phải trả (b)	-	-	(13.184.000.000)	(13.184.000.000)
Tại 31/12/2014	82.400.000.000	1.131.758.244	-	83.531.758.244

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/14		01/01/14	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc Tê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	70.735.570.000	85,84	70.735.570.000	85,84
Các cổ đông khác	11.664.430.000	14,16	11.664.430.000	14,16
Cộng	82.400.000.000	100,00	82.400.000.000	100,00

Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.240.000	8.240.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.240.000	8.240.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.240.000	8.240.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.240.000	8.240.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.240.000	8.240.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận và cổ tức

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27 tháng 6 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2013 với tỷ lệ 8%/cổ phần, tương đương số tiền 6.592.000.000 đồng.

Tại cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 03 tháng 02 năm 2015, Hội đồng quản trị đã thông qua các nội dung cuộc họp và đã ban hành nghị quyết số 043/VIR về việc trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2014 và chia cổ tức năm 2014 với tỷ lệ 8%/cổ phần, tương đương số tiền 6.592.000.000 đồng. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã ghi nhận việc phân phối lợi nhuận năm 2014 theo kế hoạch của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông trên báo cáo tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014	Năm 2013
Tổng doanh thu	55.622.945.480	51.896.401.632
Các khoản giảm trừ:	-	-
Doanh thu thuần	55.622.945.480	51.896.401.632
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	53.853.868.094	50.452.069.284
Doanh thu bán hàng hóa	1.769.077.386	1.444.332.348

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014	Năm 2013
Giá vốn của dịch vụ	35.559.284.498	33.307.694.607
Giá vốn của hàng hóa	934.188.470	772.736.507
Cộng	36.493.472.968	34.080.431.114

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014	Năm 2013
Lãi tiền gửi ngân hàng	353.724.857	148.443.359
Cộng	353.724.857	148.443.359

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí cho nhân viên	2.415.138.836	2.195.071.735
Chi phí dịch vụ mua ngoài	159.335.129	166.531.093
Chi phí khác bằng tiền	4.177.943.870	3.537.106.642
Cộng	6.752.417.835	5.898.709.470

599
CỔ
T
V
H
Đ
T

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.735.971.321	12.090.182.833
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	166.326.400	176.894.929
+ Chi phụ cấp cho thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành	156.000.000	172.800.000
+ Chi phí không được trừ khác	10.326.400	4.094.929
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập không chịu thuế		
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	12.902.297.721	12.267.077.762
Thuế TNDN từ hoạt động SXKD theo thuế suất phổ thông (22%)	2.838.505.499	-
Thuế TNDN từ hoạt động SXKD theo thuế suất phổ thông (25%)	-	3.066.769.441
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.838.505.499	3.066.769.441

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.897.465.822	9.023.413.392
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.897.465.822	9.023.413.392
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.240.000	8.217.425
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.201	1.098

7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí nhân công	14.295.207.779	12.722.700.822
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.974.640.606	8.004.572.525
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.425.484.028	4.161.627.328
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.866.705.335	3.335.876.626
Chi phí khác bằng tiền	11.749.664.585	11.754.363.283
Cộng	42.311.702.333	39.979.140.584

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty mẹ, sở hữu 85,84% vốn tại ngày 31/12/2014
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2014	Năm 2013
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		
Cung cấp dịch vụ	941.107.200	159.288.450
Thu tiền cung cấp dịch vụ	941.107.200	19.345.000
Mua dịch vụ	485.810.000	529.180.000
Thanh toán tiền dịch vụ	485.810.000	708.380.000
Cho mượn tiền	5.600.000.000	-
Cổ tức năm 2013 phải trả theo Nghị quyết số 142/VIR ngày 27/6/2014.	5.658.845.600	-
Cổ tức phải trả năm 2014 theo Nghị quyết số 043/VIR ngày 03/02/2015	5.658.845.600	-
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		
Tiền thù lao	259.000.000	255.600.000
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng		
Tiền lương, tiền thưởng	529.592.202	499.317.824

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan / Công nợ	31/12/2014	01/01/2014
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		
Phải thu tiền cho mượn (thuyết minh IV.5)	5.600.000.000	-
Cổ tức phải trả (thuyết minh IV.14)	11.317.691.200	-

2. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, khoản phải thu khách hàng phát sinh trực tiếp từ các hoạt động kinh doanh, các khoản phải thu khác, các khoản phải trả người bán, các khoản nợ phải trả khác. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty và thu lợi nhuận.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty ít chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái vì Công ty sử dụng VND là đơn vị tiền tệ chính trong các hoạt động của Công ty.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Cho mượn tiền, ứng vốn

Công ty có cho bên liên quan mượn tiền để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối khoản tiền cho mượn này là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Số 01A Thủy Vân, Phường 8,

Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2013				
Phải trả người bán	2.639.521.460	-	-	2.639.521.460
Các khoản phải trả khác	237.742.462	360.000.000	-	597.742.462
	2.877.263.922	360.000.000	-	3.237.263.922
Tại ngày 31/12/2014				
Phải trả người bán	1.495.433.466	-	-	1.495.433.466
Các khoản phải trả khác	13.418.420.293	360.000.000	-	13.778.420.293
	14.913.853.759	360.000.000	-	15.273.853.759

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ ở mức kiểm soát được. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn.

3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính của Công ty:

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ (1.000 VND)				Giá trị hợp lý (1.000 VND)	
	31/12/2014		01/01/2014		31/12/2014	01/01/2014
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng		
Tiền gửi ngắn hạn	11.000.000	-	3.000.000	-	11.000.000	3.000.000
Tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn	2.043.448	-	3.314.348	-	2.043.448	3.314.348
Phải thu khách hàng	985.679	-	566.767	-	985.679	566.767
Phải thu khác	10.627.171	-	10.161.022	(2.988.000)	10.627.171	7.173.022
Cộng	24.656.298	-	17.042.137	(2.988.000)	24.656.298	14.054.137

Nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
Phải trả người bán	1.495.433.466	2.639.521.460	1.495.433.466	2.639.521.460
Các khoản phải trả khác	13.418.420.293	237.742.462	13.418.420.293	237.742.462
Cộng	14.913.853.759	2.877.263.922	14.913.853.759	2.877.263.922

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

- Giá trị hợp lý của tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Số 01A Thủy Vân, Phường 8,

Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

- Giá trị hợp lý các khoản phải thu khác được Công ty đánh giá dựa vào khả năng trả nợ của từng đối tượng phải thu. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Các khoản nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản nợ phải trả tài chính khác này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Nghị quyết số 043/VIR của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần du lịch Quốc tế Vũng Tàu ngày 03/02/2015 đã quyết nghị về kế hoạch phân phối lợi nhuận trình Đại hội đồng cổ đông năm 2015: Chia cổ tức 8%, trích quỹ khen thưởng - phúc lợi; hỗ trợ giao tiếp là 500 triệu đồng, phần còn lại trích Quỹ dự phòng rủi ro tài chính.

Ngoài sự kiện nêu trên, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 25 tháng 3 năm 2015



md
 Trần Thị Tuyết Mai
 Kế toán trưởng
 (Người lập)

luoch
 Ngô Thị Bích Hương
 Phó Giám đốc

Nguyễn Tôn Hoàng
 Nguyễn Tôn Hoàng
 Chủ tịch Hội đồng quản trị





Tạo Dựng Uy Tín và Niềm Tin

❖ **Trụ sở chính :**

ĐC : 39/3L Phạm Văn Chiêu, P. 8, Q. Gò Vấp, TP. HCM
ĐT : (08) 3948 3100 - 3948 3101 Fax : (08) 3948 3102
Email : kiemtoandenhat@gmail.com

❖ **Văn Phòng Giao Dịch :**

ĐC : 2/23 Quách Văn Tuấn, Khu K 300, P. 12, Q. Tân Bình, TP. HCM
ĐT : (08) 3948 3100 - 3948 3101 Fax : (08) 3948 3102
Email : fac@fac.com.vn

❖ **Chi nhánh Nha Trang :**

ĐC : 27 Đường B1, Khu Đô Thị Vĩnh Điểm Trung, Phường Vĩnh Hiệp, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
ĐT : (058) 389 5777 Fax : (058) 389 3377
Email : fac_cnnhatrang@fac.com.vn

❖ **Chi nhánh Đệ Nhất :**

ĐC : 169 Trương Công Định, P. 3, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
ĐT : (064) 354 3866 - 221 0287 Fax : (064) 625 3070
Email : fac_cnvungtau@fac.com.vn

❖ **Chi nhánh Miền Trung :**

ĐC : 159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam
ĐT : (0510) 222 6889 Fax : (0510) 383 7878
Email : fac_cnmientrung@fac.com.vn